

Bản án số: 53/2022/HNGS-ST

Ngày 15-8-2022

V/v "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm Bãi, thôn Lương Tài, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Đình H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Bãi, thôn Lương Tài, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/5/2022, bản tự K và biên bản lấy lời K tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị K trình bày:**

Chị và anh Phạm Đình H kết hôn ngày 31/8/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở xóm Bãi, thôn Lương Tài, huyện Việt Yên. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoản 11/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất

đồng quan điểm sống, hai vợ chồng có cãi vã nhau, anh H có đánh chị, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nh anh H không chịu cải sửa. Tháng 12/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống. Từ đó thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hoàng Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự K, biên bản lấy lời K bị đơn anh Phạm Đình H có trình bày:*

Anh và chị Hoàng Thị K kết hôn ngày 31/8/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở xóm Bãi, thôn Lương Tài, huyện Việt Yên. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng có cãi vã nhau. Tháng 12/2020 chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Khau Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống, từ đó thì hai vợ chồng ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị K có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Đình H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh H không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị K được ly hôn với anh Phạm Đình H.

Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị K, anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị K phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị K và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có nơi cư trú: thôn Lương Tài, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị K vắng mặt nH đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nH vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh H.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị K, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Hoàng Thị K và anh Phạm Đình H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị K và anh H sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời K của chị K thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng có cãi vã nhau, anh H đánh chị, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nH anh H không chịu cải sửa, vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 12/2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh H. Tại bản tự K, biên bản lấy lời K anh H xác định năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng có cãi vã nhau, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 12/2020, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị K có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện năm 2020 thì vợ chồng chị K, anh H có phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn xảy ra thì chị K không ở nhà

anh H sinh sống cùng anh H nữa. Hội đồng xét xử xét thấy anh H trình bày tại biên bản lấy lời K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn NH trong thời gian vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020 anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị K, anh H xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị K, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị K được ly hôn với anh Phạm Đình H.

[2] Về con chung: Chị K, anh H xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị K, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng NH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006426 ngày 03/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Hoàng Thị K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Nguyễn Thị Vân